

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 145/2017/DS-PT

Ngày: 22/9/2017

V/v: “Tranh chấp lỗi đi chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hồng Luyến

Các Thẩm phán:

Ông Lê Văn Quý

Bà Trần Thị Thanh Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Đức - Thư ký TAND tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà Nguyễn Thị Trâm-
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 61/2017/TLPT-DS ngày 06 tháng 6 năm 2017 về “Tranh chấp lỗi đi chung”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2017/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân Tp. Biên Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 156/2017/QĐ-PT ngày 07/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 323/2017/QĐ-PT ngày 23/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Ngọc N, sinh năm: 1964.

Bà Nguyễn Hoàng Thị H, sinh năm: 1965

Địa chỉ: 16 đường X, Kp. A, p. Q, Tp. B, T.Đồng Nai.

Ông N ủy quyền cho bà H theo văn bản ủy quyền ngày 12/5/2016.

- Bị đơn: Ông Võ Đình T, sinh năm: 1955.

Bà Bùi Thị B, sinh năm 1958

Địa chỉ: 18 đường X, Kp.A, p. Q, Tp. B, T.Đồng Nai.

Bà B ủy quyền cho ông T theo văn bản ủy quyền ngày 03/3/2015

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông An Đình T, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: 14 đường X, Kp.A, p. Q, Tp. B, T.Đồng Nai.

- Người kháng cáo: Ông Võ Đình T, sinh năm: 1955.

Bà Bùi Thị B, sinh năm 1958.

Địa chỉ: 18 đường X, Kp.A, p. Q, Tp. B, T.Đồng Nai

Theo đơn kháng cáo ngày 31/3/2017 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 19/2017/DS-ST ngày 24/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

(Các đương sự nguyên đơn ông N và bà H; bị đơn ông T, ông T đại diện cho bà B; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Võ Ngọc N, bà Nguyễn Hoàng Thị H (Do bà Nguyễn Hoàng Thị H đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Nguồn gốc nhà và đất trên diện tích đất 64,6 m², thuộc thửa số 163, tờ bản đồ số 8 phường Q, thành phố B là do ông N nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Thanh L và bà Lê Thị Thanh H vào năm 1993. Ông L và bà H đã được UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4701051330 ngày 12/9/2002. Đến năm 1998 sau khi kết hôn với ông N thì bà về ở tại căn nhà nói trên. Sau đó vợ chồng bà đã làm thủ tục sang tên và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/02/2014. Phía trước căn nhà là hẻm cụt, đây là đường hẻm công cộng thuộc đất Nhà nước quản lý. Trước đây, cuối đường hẻm nêu trên là nhà vệ sinh công cộng, 09 hộ dân sinh sống ở đây sử dụng chung, do đó đường hẻm phía trước nhà bà và nhà ông T là lối đi chung của mọi người. Nhà của ông T nằm phía trong cùng của đường hẻm và liền kề bên phải với nhà bà. Khoảng năm 2005, gia đình ông T xây 01 cột bê tông và dùng lưới B40 rào lại phần cuối đường hẻm, chắn lối đi phía trước nhà bà nhưng lúc đó gia đình bà đang đi lối đi qua sân nhà ông T (nhà liền kề bên trái) nên ông bà cũng không quan tâm. Nay ông An Đình T đang khởi kiện yêu cầu Tòa án thành phố B giải quyết buộc vợ chồng bà trả lại lối đi nhờ (yêu cầu lấy lại lối đi không cho ông bà đi nữa) nên gia đình ông bà không còn lối đi nào khác. Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T.

Việc gia đình ông T xây cột bê tông và dùng lưới B40 rào lại phần cuối đường hẻm, chắn lối đi phía trước nhà ông bà làm ảnh hưởng đến việc đi lại của gia đình do đó vợ chồng ông bà khởi kiện yêu cầu ông Võ Đình T và bà Bùi Thị B tháo dỡ cột bê tông và phần hàng rào bằng lưới B40 và dành cho gia đình ông bà một lối đi chung ra đường hẻm, cụ thể: Theo Bản vẽ hiện trạng khu đất số: 7717/BĐHT ngày 29/12/2015 của văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh B, bà đề nghị ông T, bà B trả lại 15m² đất để làm lối đi chung được giới hạn bởi các mốc (10, 11, 12, 13, 14, 4, 3, 15, 16, 10).

Vợ chồng bà về ở tại căn nhà và đất tại địa chỉ 16 đường X, khu phố 1, phường Q, Tp. B từ năm 1998. Từ đó cho đến nay ông bà vẫn sử dụng lối đi phía bên trái nhà là phía trước nhà của ông An Đình T để đi ra hẻm chung. Phía trước nhà bà và nhà ông T vẫn là lối đi chung của mọi người cho đến khoảng năm 2005 khi ông T xây dựng cột bê tông và tường rào chắn phía trước nhà bà thì gia đình bà chỉ còn lối đi duy nhất phía trước nhà ông T. Gia đình ông T cho vợ chồng ông bà đi nhờ trên phần đất 4,5m² từ năm 1993 đến nay. Nay ông T khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà trả lại diện tích đất trên thì ông bà đồng ý. Đề nghị Tòa án buộc ông T bà B mở lối đi chung phía trước nhà bà là 15m² để có lối đi chung.

- Bị đơn ông Võ Đình T và bà Bùi Thị B (Do ông Võ Đình T là đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Năm 1984 vợ chồng ông có mua 01 thửa đất diện tích ngang: 13,9m và chiều dài 15,3 m, tổng diện tích là 197,37m² của ông Phạm T, hai bên có làm giấy

mua bán và được chính quyền địa phương xác nhận. Sau khi mua đất vợ chồng ông quản lý sử dụng đất từ năm 1984. Năm 1992 khi gia đình ông làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND thành phố B có quyết định cấp đất số: 1592 ngày 07/11/1990 cấp cho gia đình ông diện tích đất 179,50m². Sau khi có quyết định cấp đất trên, cũng trong năm 1992 vợ chồng ông bà có bán lại cho ông Nguyễn Thanh L và bà Lê Thị Thanh H một phần diện tích đất trong tổng diện tích đất trên, chiều ngang là 4,5m và chiều dài là 10,8 m, phía trước để lại 2,5 m làm đường đi cho gia đình ông Nguyễn Thanh L, đến năm 1993 ông L bán lại toàn bộ diện tích đất trên cho ông Võ Ngọc N và bà Nguyễn Hoàng Thị H.

Năm 2002 gia đình ông đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4701051080 ngày 02/9/2002 diện tích đất gia đình ông được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là 129,60m². Sau khi nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về thì phát hiện diện tích được cấp chủ quyền không đúng với diện tích đất thực tế. Năm 2005 vợ chồng ông đã làm thủ tục xin đo vẽ lại để làm các thủ tục kê khai với phần diện tích đất chưa được công nhận, UBND phường đã lập biên bản đo đạc xác định ranh, mốc ranh và hình thể thửa đất ngày 12/8/2005 có ký xác nhận của các hộ giáp ranh. Sau khi mang hồ sơ đo vẽ do UBND phường Q lập nộp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Đồng Nai. Ngày 01/9/2005 Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Đồng Nai ban hành hồ sơ kỹ thuật thửa đất số 1466/2005 thể hiện tổng diện tích đất của gia đình ông là 144,6m² (Trong đó có 19,9m² là diện tích lấn đường). Việc hồ sơ kỹ thuật thửa đất số 1466/2005 thể hiện diện tích đất của ông có 19,9m² là diện tích lấn đường là không đúng với diện tích đất thực tế ông sử dụng và diện tích được cấp theo Quyết định cấp đất số: 1592 ngày 07/11/1990 của UBND thành phố B. Tuy nhiên ông cũng không khiếu nại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Đồng Nai về việc ban hành hồ sơ kỹ thuật thửa đất số 1466/2005 nêu trên và sau đó vợ chồng ông cũng không làm thêm thủ tục đăng ký kê khai để điều chỉnh diện tích đất còn thiếu là diện tích đất 15m² mà phía nguyên đơn cho rằng là lối đi chung nữa mà vẫn giữ nguyên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4701051080 ngày 02/9/2002. Do vậy, diện tích đất 15m² mà phía nguyên đơn cho rằng là lối đi chung hiện nay vợ chồng ông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo Bản vẽ hiện trạng khu đất số: 7717/BĐHT ngày 29/12/2015 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh B, diện tích 15m² đất mà nguyên đơn khởi kiện yêu cầu mở lối đi chung được giới hạn bởi các mốc (10,11,12,13,14,4,3,15,16,10)

Ông bà khẳng định diện tích đất 15m² mà phía nguyên đơn cho rằng là lối đi chung là không đúng. Diện tích đất trên thuộc sở hữu của gia đình ông bà, mặc dù vợ chồng ông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đất trên do vợ chồng ông mua của ông Phạm T có giấy tờ mua bán hợp pháp và do vợ chồng ông quản lý sử dụng từ trước đến nay. Nay vợ chồng ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông An Đình T trình bày:

Ông là chủ sở hữu căn nhà và đất tại thửa đất số 154, tờ bản đồ số 8 phường Q, thành phố B diện tích 60,7m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ

126087 ngày 22/10/2013. Diện tích đất này vợ chồng ông mua lại và sử dụng từ tháng 01 năm 2013 đến nay.

Trước khi ông sửa chữa căn nhà trên thì gia đình ông Võ Ngọc N và bà Nguyễn Hoàng Thị H (là chủ sở hữu căn nhà số 58/16, tổ 8, khu phố 1, phường Q là căn nhà bên cạnh nhà ông) có mở một lối đi ngang qua phần đất nhà ông có diện tích là $4,5m^2$ theo Bản vẽ hiện trạng khu đất số: 7717/BĐHT ngày 29/12/2015 của văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh B, diện tích $4,5m^2$ đất mà nguyên đơn sử dụng đi nhờ trên đất ông được giới hạn bởi các mốc (4, 5, 7, 4). Ngoài lối đi nói trên thì ông N và bà H còn có lối đi phía trước nhà nhưng ông N và bà H không sử dụng. Lối đi phía trước nhà ông N bà H hiện nay gia đình ông T đang sử dụng và đã rào lại nên ông N bà H không đi được lối này. Do đó khi ông sửa chữa nhà ông đã yêu cầu gia đình ông N bà H không sử dụng lối đi trên đất của ông nữa để trả lại phần đất để ông xây dựng hàng rào trên diện tích đất của mình nhưng gia đình ông N bà H không thực hiện mà vẫn tiếp tục sử dụng lối đi trên. Ông đã nộp đơn yêu cầu UBND phường Q giải quyết, UBND phường đã mời hai bên đến hòa giải nhưng không thỏa thuận giải quyết được.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Ngọc N và bà Nguyễn Hoàng Thị H trả lại cho ông phần đất mà ông N và bà H đang sử dụng làm lối đi có diện tích là $4,5m^2$ theo bản đồ hiện trạng khu đất số: 7717 ngày 29/12/2015 của văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh B.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2017/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân Tp. Biên Hòa căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 203; Điều 220 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Áp dụng Điều 264, Điều 265, Điều 267, Điều 273, Điều 275, Điều 279, Điều 137 Bộ luật dân sự năm 2005, tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Ngọc N bà Nguyễn Hoàng Thị H đối với ông Võ Đình T bà Bùi Thị B.

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông An Đình T đối với ông Võ Ngọc N bà Nguyễn Hoàng Thị H.

Buộc ông Võ Đình T và bà Bùi Thị B tháo dỡ cột bê tông và hàng rào lưới B40 trả lại phần diện tích $15m^2$ được giới hạn bởi các mốc (10, 11, 12, 13, 14, 4, 3, 15, 16, 10) theo Bản vẽ hiện trạng khu đất số: 7717/BĐHT ngày 29/12/2015 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh B để làm lối đi chung.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông N bà H: Ông Võ Ngọc N và bà Nguyễn Hoàng Thị H trả lại phần diện tích đất $4,5m^2$ được giới hạn bởi các mốc (4, 5, 7, 4) theo bản đồ hiện trạng khu đất số 7717 ngày 29/12/2015 của văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh B cho ông An Đình T.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 31/3/2017, bị đơn ông Võ Đình T, bà Bùi Thị B có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

- Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, của các đương sự là đúng với các quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo luật định.

Kháng cáo của ông T bà B là trong hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục chung.

Việc Tòa án sơ thẩm nhập vụ án theo Quyết định nhập vụ án số: 172/2015/QĐST-DS ngày 26/2/2015 là vi phạm Điều 38 BLTTDS, bởi vì hai vụ án có mối quan hệ pháp luật khác nhau và tư cách tham gia tố tụng trong từng vụ án khác nhau, việc không đưa các con của vợ chồng ông T bà B vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Ông T cho rằng do không hiểu biết về pháp luật nên khi nhập vụ án thì ông thấy việc khởi kiện của ông không liên quan gì đến ông T và bà B, đồng thời ông cũng không có yêu cầu độc lập. Do Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thời hạn kháng cáo: Ngày 31/3/2017 ông Võ Đình T và bà Bùi Thị B có đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2017/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân Tp. Biên Hòa. Kháng cáo của ông T bà B là trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục chung.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết, xét xử sơ thẩm, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã tiến hành nhập vụ án theo Quyết định nhập vụ án số: 172/2015/QĐST-DS ngày 26/2/2015.

Ngày 07/5/2014 ông An Đình T có đơn khởi kiện đối với ông Võ Ngọc N, bà Nguyễn Hoàng Thị H, yêu cầu ông N bà H trả lại diện tích khoảng 03m² đất mà ông N bà H đang sử dụng làm lối đi thuộc thửa 154, tờ bản đồ số 8 tại phường Q, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Ngày 17/12/2014 ông N bà H khởi kiện ông T bà B yêu cầu ông T bà B tháo dỡ công trình và làm một lối đi chung với diện tích 16.45m².

Sau khi nhập vụ án, quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp lối đi chung*” và tư cách tố tụng của ông An Đình T được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Việc Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa nhập vụ án, các đương sự không có ý kiến gì về việc nhập vụ án, tuy nhiên theo yêu cầu của ông An Đình T khởi kiện ông Võ Ngọc N, bà Nguyễn Hoàng Thị H trả lại diện tích đất là 03m² thì đây là quan hệ pháp luật “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”; Ông Võ Ngọc N, bà Nguyễn Hoàng Thị H khởi kiện ông Võ Đình T và bà Bùi Thị B mở lối đi thì quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp lối đi chung*”. Đây là hai quan hệ pháp luật khác nhau, nhưng Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa lại nhập hai quan hệ pháp luật lại thành vụ án “*Tranh chấp lối đi chung*” là không đúng quan hệ pháp luật, yêu cầu của các đương sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án “*Tranh chấp lối đi chung*” giữa ông Võ Ngọc N, bà Nguyễn Hoàng Thị H đối với ông Võ Đình T, bà Bùi Thị B, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa các con ông Võ Đình T và bà Bùi Thị B tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; Tòa án cấp sơ thẩm cũng không tiến hành lấy lời khai của ông Nguyễn Thanh L và bà Lê Thị Thanh H để xác định việc ông L và bà H chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho ông N và bà H có nguồn gốc thửa đất, lối đi vào thửa đất như thế nào; Về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” giữa ông An Đình T với ông Võ Ngọc N và bà Nguyễn Hoàng Thị H, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vợ ông T vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, bỏ sót người tham gia tố tụng quy định tại Điều 68 BLTTDS.

Tại biên bản phiên tòa sơ thẩm Chủ tọa phiên tòa không thực hiện phần thủ tục tố tụng cho các đương sự tự đặt câu hỏi là vi phạm Điều 249 BLTTDS.

Tại biên bản nghị án Hội đồng xét xử không tiến hành nghị án từng vấn đề mà tiến hành nghị án chung là vi phạm Điều 264 BLTTDS.

[3] Xét kháng cáo của ông T và bà B nhận thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm đã có những sai sót về thủ tục tố tụng mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, cần hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2017/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa về vụ án yêu cầu “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, tranh chấp lối đi*” giữa ông An Đình T đối với ông Võ Ngọc N và bà Nguyễn Hoàng Thị H; giữa ông Võ Ngọc N và bà Nguyễn Hoàng Thị H với ông Võ Đình T và bà Bùi Thị B. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa để xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm sẽ được xem xét quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo của ông Võ Đình T và bà Bùi Thị B nên ông Võ Đình T và bà Bùi Thị B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 008751 ngày 03/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B cho ông Võ Đình T và bà Bùi Thị B.

Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản: Do hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2017/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, nên được xem xét quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[4] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với chứng cứ có tại hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các phân tích trên, căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng cáo của ông Võ Đình T và bà Bùi Thị B. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2017/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa về vụ án yêu cầu “Tranh chấp quyền sử dụng đất, tranh chấp lối đi” giữa ông An Đình T đối với ông Võ Ngọc N và bà Nguyễn Hoàng Thị H; giữa ông Võ Ngọc N và bà Nguyễn Hoàng Thị H với ông Võ Đình T và bà Bùi Thị B.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm sẽ được xem xét quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo của ông Võ Đình T và bà Bùi Thị B nên ông Võ Đình T và bà Bùi Thị B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 008751 ngày 03/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B cho ông Võ Đình T và bà Bùi Thị B.

Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản: Do hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2017/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, nên được xem xét quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND T.Đồng Nai;
- Dương sự;
- TAND Tp.Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp.B;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Hồng Luyện

